

Bản án số: 123/2024/DS-PT

Ngày 28 tháng 5 năm 2024

V/v tranh chấp "Thừa kế tài
sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Hải.

Các Thẩm phán: Ông Lâm Thuận Tùng;
Bà Trần Thị Thúy Hà.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Văn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 22 và ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 86/2024/TLPT- DS ngày 4 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp "Thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2024/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 116/2024/QĐPT-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 146/2024/QĐ-PT ngày 26/4/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1962; cư trú: Lô D2, khóm Đ T 8, phường M P, thành phố L X, tỉnh A G (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Nhã T, sinh năm 1991. Địa chỉ: Lô D2, khóm Đ T 8, phường M P, thành phố L X, tỉnh A G. Theo Giấy ủy quyền được Văn phòng Công chứng Huỳnh Minh Hoàng chứng thực có số chứng thực 04, ngày 03/01/2024 (có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phước: Ông Lại Văn G, Luật sư của Công ty TNHH MTV Tấn Thành thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. Địa chỉ văn phòng: 32 đường Bạch Đằng, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1964; cư trú: Số 67 đường T Q P, khóm M L, phường M P, thành phố L X, tỉnh A G. Địa chỉ liên hệ: Số 194/4A khóm T K 1, phường M H, thành phố L X, tỉnh A G (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hải:

+ Ông Trần Tuấn A, sinh năm 1988. Địa chỉ: 77 đường Võ Văn Kiệt, phường A L, quận B T, Thành phố H C M; theo Giấy ủy quyền được Văn phòng Công chứng Huỳnh Minh Hoàng chứng nhận có số công chứng 328, ngày 04/5/2023 (có mặt);

+ Ông Nguyễn Phước T, sinh năm: 1992; địa chỉ: Số 231, tổ 2, khóm L H, phường L C, thị xã T C, tỉnh A G; theo văn bản ủy quyền ngày 16/5/2024 (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1953; cư trú: Số 67 đường Triệu Quang Phục, khóm M L, phường M P, thành phố L X, tỉnh A G (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Nhã T, sinh năm 1991; cư trú: Lô D2, khóm Đ T 8, phường M P, thành phố L X, tỉnh A G; theo Giấy ủy quyền được Văn phòng Công chứng Huỳnh Minh Hoàng chứng nhận có số công chứng 288, ngày 19/4/2023 (có mặt);

3.2. Ông Trần Quốc T, sinh năm 1970; cư trú: Số 67 đường Triệu Quang Phục, khóm M L, phường M P, thành phố L X, tỉnh A G (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Tuấn A, sinh năm 1964; cư trú: 77 đường Võ Văn Kiệt, phường A L, quận B T, Thành phố H C M; theo Giấy ủy quyền được Văn phòng Công chứng Huỳnh Minh Hoàng chứng nhận có số công chứng 1027, ngày 22/11/2023 (có mặt);

3.3. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1955; cư trú: J19 đường Hùng Vương, khóm Đ T 7, phường M P, thành phố L X, tỉnh A G (có mặt);

3.4 Bà Trần Ngọc T, sinh năm 1968; cư trú: 204, ấp Nam, xã T T, huyện T B, tỉnh Đ T (vắng mặt);

3.5. Ông Phạm Ngọc H, sinh năm 1945; cư trú: 13A1 đường Hùng Vương, khóm Đ T 2, phường M P, thành phố L X, tỉnh A G (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thế H, sinh năm 1974; địa chỉ: 2/26A, khóm T A A, phường M T, thành phố L X, tỉnh A G; theo Giấy ủy quyền ngày 16/05/2024 (có mặt);

3.6. Ông Huỳnh Nhã T, sinh năm 1991; cư trú: Lô D2, khóm Đ T 8, phường M P, thành phố L X, tỉnh A G (có mặt);

3.7. Công ty TNHH Xuất nhập khẩu K H. Trụ sở hiện tại: Lô D2, khóm Đ T 8, phường M P, thành phố L X, tỉnh A G. Do ông Huỳnh Nhã T đại diện theo pháp luật (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện: Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Huỳnh Văn P thể hiện nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

Cha ông là ông Trần Văn B, sinh năm 1925, chết vào năm 1987; theo giấy chứng tử số 185/MP, ngày 18/6/1987 của UBND phường Mỹ Phước.

Mẹ ông là bà Huỳnh Thị H sinh năm 1926, chết vào năm 2011; theo giấy chứng tử số 61/2011, ngày 05/5/2011 của UBND phường Mỹ Phước.

Cha mẹ ông có 06 người con chung gồm: Trần Thị H, Huỳnh Thị H, Huỳnh Văn P, Trần Văn H, Trần Ngọc T, Trần Quốc T.

Ngoài ra bà Huỳnh Thị H còn có 01 người con riêng là Phạm Ngọc H.

Sau khi chết cha mẹ ông không để lại di chúc.

Di sản ông Trần Văn B và bà Huỳnh Thị H để lại gồm:

- Diện tích đất 445,9m² thuộc thửa đất số 54, tờ bản đồ số 24, mục đích sử dụng: Đất ở 191,9m², đất trồng cây lâu năm 254m². Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 779782, sổ vào sổ cấp GCN: CS 11360. Do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 19/12/2017 cho Trần Thị H (đại diện với các đồng thừa kế Trần Văn H, Trần Quốc T).

Do các đồng thừa kế không thỏa thuận được cách phân chia di sản nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Chia di sản thừa kế của ông Trần Văn Bái và bà Huỳnh Thị H đối với diện tích đất 445,9m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 779782, sổ vào sổ cấp GCN: CS 11360. Do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 19/12/2017 cho Trần Thị H (đại diện với các đồng thừa kế Trần Văn H, Trần Quốc T) thành 07 kỷ phần bằng nhau cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông B, bà H theo quy định pháp luật. Ông yêu cầu được nhận giá trị. Ông thống nhất giá trị di sản thừa kế được thể hiện tại Chứng thư thẩm định giá số 0329/2023/CT.VVAC, ngày 10/10/2023 của Công ty Cổ phần thẩm định Giá Trị Việt.

Đối với các tài sản trên đất ông xác định: 01 căn nhà bê tông có diện tích 54,4m² thuộc sở hữu của bà H, ông P, ông T, bà T; 01 nhà vệ sinh diện tích 4,3m² là của bà H; 01 căn nhà bê tông có diện tích 30,3m²; mái che diện tích 13,4m²- 66,5m²-47,3m²-31,3m²-15,4m² và 01 tường rào, 01 tường gạch là thuộc sở hữu của ông P.

Thống nhất xem xét cho bà H được nhận thêm 01 kỷ phần thừa kế do có công nuôi dưỡng cha mẹ và giữ gìn di sản thừa kế.

* Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông Trần Văn H thể hiện ý kiến tại biên bản hòa giải ngày 28/11/2023 như sau:

Ông đồng ý:

- Hàng thừa kế của ông B và bà H gồm: Ông Phạm Ngọc H, sinh năm 1945; bà Trần Thị H, sinh năm 1953; bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1955; ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1962; ông Trần Văn H, sinh năm 1964; bà Trần Ngọc T, sinh năm 1968; ông Trần Quốc T, sinh năm 1970.

- Di sản thừa kế của ông B và bà H gồm: diện tích đất 445,9m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 779782, sổ vào sổ cấp GCN: CS 11360. Do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 19/12/2017 cho Trần Thị H (đại diện với các đồng thừa kế Trần Văn H, Trần Quốc T).

- Ông Bái và bà H chết không để lại di chúc đồng ý chia di sản thành 07 kỷ phần bằng nhau cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông B, bà H theo quy định pháp luật;

- Giá trị di sản thừa kế được thể hiện tại Chứng thư thẩm định giá số

0329/2023/CT.VVAC, ngày 10/10/2023 của Công ty Cổ phần thẩm định Giá Trị Việt.

- Công trình trên đất: 01 căn nhà bê tông có diện tích 54,4m² thuộc sở hữu của bà H, ông P, ông T, bà T; 01 căn nhà bê tông có diện tích 30,3m²; mái che diện tích 13,4m²- 66,5m²-47,3m²-31,3m²-15,4m² và 01 tường rào, 01 tường gạch là thuộc sở hữu của ông P.

Ông không đồng ý:

- 01 nhà vệ sinh diện tích 4,3m² là của bà H, xác định là của anh, chị em hun lại xây dựng;

- Cho bà H được hưởng thêm 01 kỹ phần thừa kế vì có công nuôi dưỡng cha, mẹ; giữ gìn di sản thừa kế;

- Yêu cầu được nhận di sản là hiện vật với phương thức: chia 1/2 đất từ mặt tiền vào hết đất, ông sẽ hoàn lại giá trị chênh lệch cho các hàng thừa kế còn lại.

* Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn P, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Trần Thị H thể hiện ý kiến tại biên bản hòa giải ngày 28/11/2023 như sau:

Bà thống nhất:

- Hàng thừa kế của ông B và bà H gồm: Ông Phạm Ngọc H, sinh năm 1945; bà Trần Thị H, sinh năm 1953; bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1955; ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1962; ông Trần Văn H, sinh năm 1964; bà Trần Ngọc T, sinh năm 1968; ông Trần Quốc T, sinh năm 1970.

- Di sản thừa kế của ông B và bà H gồm: diện tích đất 445,9m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 779782, số vào sổ cấp GCN: CS 11360. Do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 19/12/2017 cho Trần Thị H (đại diện với các đồng thừa kế Trần Văn H, Trần Quốc T).

- Ông B và bà H chết không để lại di chúc đồng ý chia di sản thành 07 kỹ phần bằng nhau cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông B, bà H theo quy định pháp luật;

- Giá trị di sản thừa kế được thể hiện tại Chứng thư thẩm định giá số 0329/2023/CT.VVAC, ngày 10/10/2023 của Công ty Cổ phần thẩm định Giá Trị Việt.

- Công trình trên đất: 01 căn nhà bê tông có diện tích 54,4m² thuộc sở hữu của bà H, ông P, ông T, bà T; 01 nhà vệ sinh diện tích 4,3m² là của bà H; 01 căn nhà bê tông có diện tích 30,3m²; mái che diện tích 13,4m²- 66,5m²-47,3m²-31,3m²-15,4m² và 01 tường rào, 01 tường gạch là thuộc sở hữu của ông P.

Yêu cầu được nhận di sản thừa kế là giá trị;

Yêu cầu được nhận thêm 01 kỹ phần thừa kế vì bà có công sức nuôi dưỡng cha, mẹ và giữ gìn di sản thừa kế.

* Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án ông Phạm Ngọc H thể hiện ý kiến tại biên bản hòa giải ngày 28/11/2023 như sau:

Ông thống nhất:

- Hàng thừa kế của ông B và bà H gồm: Ông Phạm Ngọc H, sinh năm 1945; bà Trần Thị H, sinh năm 1953; bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1955; ông

Huỳnh Văn P, sinh năm 1962; ông Trần Văn H, sinh năm 1964; bà Trần Ngọc T, sinh năm 1968; ông Trần Quốc T, sinh năm 1970.

- Di sản thừa kế của ông B và bà H gồm: diện tích đất 445,9m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 779782, số vào sổ cấp GCN: CS 11360. Do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 19/12/2017 cho Trần Thị H (đại diện với các đồng thừa kế Trần Văn H, Trần Quốc T).

- Ông B và bà H chết không để lại di chúc đồng ý chia di sản thành 07 kỷ phần bằng nhau cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông B, bà H theo quy định pháp luật;

- Giá trị di sản thừa kế được thể hiện tại Chứng thư thẩm định giá số 0329/2023/CT.VVAC, ngày 10/10/2023 của Công ty Cổ phần thẩm định Giá Trị Việt.

- Công trình trên đất: 01 căn nhà bê tông có diện tích 54,4m² thuộc sở hữu của bà H, ông P, ông T, bà T; 01 nhà vệ sinh diện tích 4,3m² là của bà H; 01 căn nhà bê tông có diện tích 30,3m²; mái che diện tích 13,4m²- 66,5m²-47,3m²- 31,3m²-15,4m² và 01 tường rào, 01 tường gạch là thuộc sở hữu của ông P.

Yêu cầu được nhận di sản thừa kế là giá trị;

Đồng ý cho bà H được nhận thêm 01 kỷ phần thừa kế vì bà có công sức nuôi dưỡng cha, mẹ và giữ gìn di sản thừa kế.

* Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Trần Ngọc T thể hiện ý kiến tại biên bản hòa giải ngày 28/11/2023 như sau:

Bà thống nhất:

- Hàng thừa kế của ông B và bà H gồm: Ông Phạm Ngọc H, sinh năm 1945; bà Trần Thị H, sinh năm 1953; bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1955; ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1962; ông Trần Văn H, sinh năm 1964; bà Trần Ngọc T, sinh năm 1989; ông Trần Quốc T, sinh năm 1970.

- Di sản thừa kế của ông B và bà H gồm: diện tích đất 445,9m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 779782, số vào sổ cấp GCN: CS 11360. Do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 19/12/2017 cho Trần Thị H (đại diện với các đồng thừa kế Trần Văn H, Trần Quốc T).

- Ông B và bà H chết không để lại di chúc đồng ý chia di sản thành 07 kỷ phần bằng nhau cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông B, bà H theo quy định pháp luật;

- Giá trị di sản thừa kế được thể hiện tại Chứng thư thẩm định giá số 0329/2023/CT.VVAC, ngày 10/10/2023 của Công ty Cổ phần thẩm định Giá Trị Việt.

- Công trình trên đất: 01 căn nhà bê tông có diện tích 54,4m² thuộc sở hữu của bà H, ông P, ông T, bà T 01 nhà vệ sinh diện tích 4,3m² là của bà H; 01 căn nhà bê tông có diện tích 30,3m²; mái che diện tích 13,4m²- 66,5m²-47,3m²- 31,3m²-15,4m² và 01 tường rào, 01 tường gạch là thuộc sở hữu của ông P.

Yêu cầu được nhận di sản thừa kế là giá trị;

Đồng ý cho bà H được nhận thêm 01 kỷ phần thừa kế vì bà có công sức nuôi dưỡng cha, mẹ và giữ gìn di sản thừa kế.

* Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn P, người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan trong vụ án ông Trần Quốc T thể hiện ý kiến tại biên bản hòa giải ngày 28/11/2023 như sau:

Ông thống nhất:

- Hàng thừa kế của ông B và bà H gồm: Ông Phạm Ngọc H, sinh năm 1945; bà Trần Thị H, sinh năm 1953; bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1955; ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1962; ông Trần Văn H, sinh năm 1964; bà Trần Ngọc T, sinh năm 1968; ông Trần Quốc T, sinh năm 1970.

- Di sản thừa kế của ông B và bà H gồm: diện tích đất 445,9m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 779782, sổ vào sổ cấp GCN: CS 11360. Do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 19/12/2017 cho Trần Thị H (đại diện với các đồng thừa kế Trần Văn H, Trần Quốc Th).

- Ông B và bà H chết không để lại di chúc đồng ý chia di sản thành 07 kỷ phần bằng nhau cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông B, bà H theo quy định pháp luật;

- Giá trị di sản thừa kế được thể hiện tại Chứng thư thẩm định giá số 0329/2023/CT.VVAC, ngày 10/10/2023 của Công ty Cổ phần thẩm định Giá Trị Việt.

- Công trình trên đất: 01 căn nhà bê tông có diện tích 54,4m² thuộc sở hữu của bà H, ông P, ông T, bà T; 01 nhà vệ sinh diện tích 4,3m² là của bà H; 01 căn nhà bê tông có diện tích 30,3m²; mái che diện tích 13,4m²- 66,5m²-47,3m²-31,3m²-15,4m² và 01 tường rào, 01 tường gạch là thuộc sở hữu của ông P.

Yêu cầu được nhận di sản thừa kế là giá trị;

Không đồng ý cho bà H được nhận thêm 01 kỷ phần thừa kế.

* Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn P; ông Huỳnh Nhã T với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu K H thể hiện ý kiến tại biên bản hòa giải ngày 28/11/2023 như sau:

Ông xác định phần mái che có diện tích 13,4m² là của ông P cha ông xây dựng không phải của ông; đối với việc đặt trụ sở của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu K H tại địa chỉ các bên đang tranh chấp thừa kế do trước đây không có tranh chấp ông đăng ký để tiện cho việc nhận thư liên hệ; hiện tại các bên tranh chấp thừa kế ông sẽ làm thủ tục thay đổi địa chỉ đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu K H và thông báo việc thay đổi này cho Tòa án trong thời hạn 01 tuần kể từ ngày làm việc hôm nay. Việc tranh chấp di sản thừa kế của các bên ông không có ý kiến.

* Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Huỳnh Thị H thể hiện ý kiến tại tờ tự khai ngày 20/4/2023 như sau:

Thống nhất chia thừa kế của cha là ông B và mẹ là bà H thành 07 kỷ phần bằng nhau cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm Phạm Ngọc H, Trần Thị H, Huỳnh Thị H, Huỳnh Văn P, Trần Văn H, Trần Ngọc T, Trần Quốc T. Bà yêu cầu được nhận giá trị.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2024/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên đã tuyên xử:

Căn cứ vào:

- Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 85, khoản 1 Điều 244, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 623, 649, 650, 651 và 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Xác định ông Trần Văn B sinh năm 1925 và chết năm 1987 (Theo Giấy chứng tử số 185/MP, quyển số 01/87, ngày 18/6/1987 của UBND phường Mỹ Phước); bà Huỳnh Thị H sinh năm 1926 và chết năm 2011 (Theo Giấy chứng tử số 61/2011, quyển số 01/2011, ngày 05/5/2011 của UBND phường Mỹ Phước). Ông B, bà H chết không để lại di chúc.

Di sản thừa kế của ông Bái và bà Hữu để lại là phần diện tích đất 445,9m² (Trong đó đất ở là 191,9m² và đất trồng cây lâu năm là 254m²) tại thửa số 54, tờ bản đồ số 24 của phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Phần diện tích đất này đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS11360, ngày 19/12/2017 cho bà Trần Thị H đại diện cũng những người thừa kế gồm Trần Văn H, Trần Quốc T. Di sản hết thời hiệu thừa kế của ông Bái và di sản còn thời hiệu thừa kế của bà Hữu được xác định là ½ diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Xác định người thừa kế đang quản lý di sản hết thời hiệu thừa kế của ông B gồm bà Trần Thị H, ông Huỳnh Văn P và ông Trần Quốc T;

Xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật được hưởng di sản thừa kế của bà H gồm: Ông Phạm Ngọc H, bà Trần Thị H, bà Huỳnh Thị H, ông Huỳnh Văn P, ông Trần Văn H, bà Trần Ngọc T và ông Trần Quốc T.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chia di sản hết thời hiệu thừa kế của ông B cho người thừa kế đang quản lý di sản gồm bà Trần Thị H, ông Huỳnh Văn P và ông Trần Quốc T.

Chia di sản thừa kế của bà H theo pháp luật thành 07 phần bằng nhau cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Ông Phạm Ngọc H, bà Trần Thị H, bà Huỳnh Thị H, ông Huỳnh Văn P, ông Trần Văn H, bà Trần Ngọc T và ông Trần Quốc T, mỗi người được hưởng 01 phần.

Di sản của ông B và bà H được bán chia với tỷ lệ như sau:

- Ông Phạm Ngọc H, bà Trần Thị H, bà Huỳnh Thị H, ông Huỳnh Văn P, ông Trần Văn H, bà Trần Ngọc T và ông Trần Quốc T mỗi người được nhận 1/7 giá trị di sản thừa kế của bà H.

- Bà Trần Thị H được nhận 50%; ông Huỳnh Văn P được nhận 30% và ông Trần Quốc T được nhận 20% giá trị di sản hết thời hiệu thừa kế của ông B.

[3] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế hết thời hiệu của ông B cho ông Trần Văn H, bà Trần Ngọc T và bà Huỳnh Thị H; không chấp nhận xem xét công sức đóng góp của bà Trần Thị H khi chia di sản thừa kế của bà H.

[4] Bà Trần Thị H có nghĩa vụ bàn giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS11360,

ngày 19/12/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Trần Thị H đại diện cùng những người thừa kế gồm Trần Văn H, Trần Quốc T khi thực hiện thủ tục bán di sản chia;

[5] Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Phạm Ngọc H, bà Trần Thị H, bà Huỳnh Thị H, ông Huỳnh Văn P, ông Trần Văn H, bà Trần Ngọc T và ông Trần Quốc T hoàn lại giá trị cho chủ sở hữu tài sản trên đất khi phân chia di sản. Tuy nhiên, trong trường hợp di sản bán để chia nếu bên nhận chuyển nhượng không thống nhất được giá trị đã định thì giá hoàn lại cho các chủ sở hữu sẽ là giá trên cơ sở thương lượng với bên nhận chuyển nhượng.

[6] Tiếp tục tạm giao di sản hết thời hiệu thừa kế của ông B và di sản của bà H cho bà Trần Thị H, ông Huỳnh Văn P và ông Trần Quốc T quản lý trong thời gian chờ bán để chia.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm; quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 01/02/2024, bị đơn ông Trần Văn H kháng cáo không đồng ý với phần quyết định của bản án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại có liên quan đến quyền lợi của ông.

Ngày 15/02/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Ngọc H kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu giải quyết thay đổi tỉ lệ thừa kế, chia di sản của ông B, bà H thành 07 phần bằng nhau cho 07 người con.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn và ông H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; giữa các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung vụ án, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới.

Đại diện bị đơn trình bày: Ông thống nhất về di sản thừa kế theo bản án sơ thẩm và hàng thừa kế; ông đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm vì có nhiều vi phạm tố tụng nghiêm trọng; bỏ sót người tham gia tố tụng, mái che của ông P nằm ngoài đất công thuộc UBND phường Mỹ Phước nhưng không đưa Ủy ban tham gia tố tụng, nhà ông P, bà H xây dựng lấn qua phần đất ông H, ông H và nhiều người khác nhưng cũng không đưa họ tham gia tố tụng, không đưa ông Đ người có công đóng góp vào di sản; biên bản xem xét thẩm định không có cán bộ địa chính tham dự, Bản trích đo hiện trạng khu đất không có xác nhận của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Long Xuyên, khi đo đạc không có người có đất tứ cận tham gia, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà H đại diện H, ông T là không đúng, vì người thừa kế của ông B, bà H là 07 người nhưng chỉ có 02 người đại diện, bị đơn xin rút thời hiệu thừa kế nhưng không xem xét; 03 người xin nhận hiện vật ông H, ông H, ông T nhưng cấp sơ thẩm không xem xét; cách chia thừa kế không rõ ràng...

Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H trình bày; Ông H là người có rất nhiều công sức đóng góp trong gia đình, nên yêu cầu chia di sản thừa kế phần hết thời hiệu và phần còn thời hiệu thành 07 phần bằng nhau mới phù hợp.

Nguyên đơn trình bày; Ông H khi còn nhỏ ở nhà đến khi lớn lên đi lính, sau giải phóng học tập và sau đó thì cưới vợ và ra sống riêng, không có công sức đóng

góp gì trong gia đình nhiều; đối với các luận cứ của đại diện bị đơn đưa ra không có căn cứ, nên không đồng ý; phần diện tích đất chia thừa kế xây dựng lấn qua đất của người giáp ranh là ông H, ông H và còn nhiều người khác hôm nay tại tòa phúc thẩm ông mới biết, còn trước nay thì ông không biết.

Bà H trình bày; Ông H còn nhỏ sống với ông bà nội, lớn lên đi lính sau đó có gia đình, không có sống chung với cha mẹ, nên không có công sức đóng góp trong gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát phbbvcát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm như: Thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm theo đúng quy định Điều 285; đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm theo Điều 286; triệu tập những người tham gia xét xử phúc thẩm theo Điều 294 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về tố tụng: Căn cứ bản trích đo hiện trạng đất tranh chấp thì một phần mái che, căn nhà của bà H, căn nhà của ông Phước nằm trên thửa đất số 53, diện tích 253,9m². Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế, tuyên các đương sự được bán nhà để chia nhưng không đưa chủ sở hữu thửa đất số 53 tham gia tố tụng là ảnh hưởng đến quyền lợi của họ.

Về nội dung: Bản án chia di sản thừa kế, nhưng về cách chia, bản án chỉ tạm giao di sản cho bà H quản lý, không buộc nghĩa vụ của những người thừa kế, ai là người có trách nhiệm thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển nhượng cho ai, thời gian chuyển nhượng, giá chuyển nhượng... nên không thể thi hành án.

Quá trình giải quyết vụ án, ông i, H có yêu cầu được nhận đất và hoàn giá trị lại cho các đồng thừa kế nhưng cũng chưa được cấp sơ thẩm xem xét là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang căn cứ khoản 3 Điều 308 BLTTDS năm 2015, phúc xử: Chấp nhận kháng cáo của ông H và ông H. Hủy bản án dân sự sơ thẩm 37/2024/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các ông Huỳnh Nhã T ông Nguyễn Phước T, ông Trần Tuấn A, bà Huỳnh Thị H, ông Phạm Thế H có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định pháp luật.

[2] Xét đơn kháng cáo bị đơn ông Trần Văn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Ngọc H, thấy:

Ông Trần Văn B sinh năm 1925 và chết năm 1987 và bà Huỳnh Thị H sinh năm 1926 và chết năm 2011.

Ông B và bà H có 06 người con chung gồm bà Trần Thị H, bà Huỳnh Thị H, ông Huỳnh Văn P, ông Trần Văn H, bà Trần Ngọc T, ông Trần Quốc T. Riêng bà H có 01 người con riêng là ông Phạm Ngọc H.

Di sản thừa kế của ông B và bà H để lại những người thuộc diện thừa kế thống nhất là phần diện tích đất 445,9m² (Trong đó đất ở là 191,9m², nhà ở...và đất trồng cây lâu năm là 254m²) tại thửa số 54, tờ bản đồ số 24 của phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Phần diện tích đất này đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS11360, ngày 19/12/2017 cho bà Trần Thị H đại diện cùng những người thừa kế gồm Trần Văn H, Trần Quốc T.

[2.1] Cấp sơ thẩm nhận định và chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Huỳnh Thị H. Di sản thừa kế của cụ Bái do đã hết thời hiệu nên giao lại cho những người đang quản lý di sản bà Trần Thị H, ông Huỳnh Văn P, ông Trần Quốc T theo tỷ lệ tương ứng 50% : 30% : 20%. Tuy nhiên, di sản là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận bà H đứng tên đại diện, diện tích chỉ có 445,9m²; nhưng theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 22/8/2023 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú thể hiện: Tường gạch ông Huỳnh Văn P xây dựng có các điểm 66, 4, 5 nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN.QSDD); nhà bà Trần Thị H xây dựng có các điểm 5, 52, 63, 64 nằm ngoài GCN.QSDD; nhà ông Huỳnh Văn P xây dựng có các điểm 52, 13, 62, 63 nằm ngoài GCN.QSDD; mái che nhà ông P có các điểm 14, 15, 60, 61 nằm ngoài GCN.QSDD; nhà vệ sinh bà Trần Thị H xây dựng có các điểm 20, 53, 58, 59 nằm ngoài GCN.QSDD. Nhưng cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ diện tích đất nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà các hàng thừa kế xây dựng và sử dụng là của ai, để đưa họ vào tham gia tố tụng và xem họ có tranh chấp hay ý kiến ra sao, là bỏ sót người tham gia tố tụng, chưa giải quyết dứt điểm, khi thi hành án có thể sẽ khó khăn. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn và đại diện nguyên đơn thừa nhận, những người giáp ranh đất với phần diện tích đất là di sản thừa kế chia có dư ra so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên,

được thể hiện ở Bản trích đo hiện trạng khu đất diện tích đất giáp ranh là của ông H, ông H và còn nhiều người khác nhưng các ông không biết tên.

[3] Ông Trần Văn H, ông Phạm Ngọc H, ông Trần Quốc T trong quá trình giải quyết vụ án, các ông có yêu cầu được nhận hiện vật và hoàn giá trị lại cho các đồng thừa kế nhưng cũng không được cấp sơ thẩm xem xét chấp nhận hay không chấp nhận, là ảnh hưởng đến quyền lợi của họ. Đối với ông H kháng cáo yêu cầu chia toàn bộ di sản của ông B, bà H là không có cơ sở chấp nhận; bởi lẽ, di sản là của chung vợ chồng nhưng ông B chết năm 1987 nên di sản chung thì phần $\frac{1}{2}$ di sản của ông B đã hết thời hiệu nên cấp sơ thẩm giao cho bà H, ông P và ông T quản lý. Di sản $\frac{1}{2}$ còn lại của bà H đã được chia thành 07 kỷ phần cho 07 người con là phù hợp và có căn cứ, nên ông H kháng cáo yêu cầu chia toàn bộ di sản là không có căn cứ để chấp nhận.

[3.1] Về cách chia di sản thừa kế, bản án chỉ tạm giao di sản cho bà H quản lý, không buộc nghĩa vụ của những người thừa kế, ai là người có trách nhiệm thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thời gian chuyển nhượng, giá chuyển nhượng; di sản được định giá để tính án phí và buộc các đồng thừa kế có nghĩa vụ chịu án phí, nhưng về quyền lợi các thừa kế không được cấp sơ thẩm xem xét mỗi người được hưởng kỷ phần cụ thể hiện vật hay giá trị bao nhiêu, nên không thể thi hành án.

[3.2] Hàng thừa kế thứ nhất của ông B, bà H là 07 người con, nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà H đứng tên chỉ đại diện cho 02 người thừa kế là ông H, ông T là chưa đúng; trong phần quyết định tuyên bà Trần Thị H có nghĩa vụ bàn giao GCN.QSĐĐ bản chính đứng tên bà khi thực hiện thủ tục bán di sản chia, nhưng không thể hiện ai chịu trách nhiệm nhận giấy chứng nhận...

[3] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy, cấp sơ thẩm chưa xem xét, thu thập chứng cứ một cách đầy đủ để giải quyết yêu cầu của đương sự một cách triệt để; mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn H, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác sẽ được giải quyết lại sau khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án.

[4.2] Án phí phúc thẩm: Ông Trần Văn H không phải chịu và được nhận lại 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001590 ngày 26/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ông Phạm Ngọc H là người cao tuổi và được miễn nộp tạm ứng án phí sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; khoản 1, khoản 2 Điều 310; khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của Trần Văn H;
 - Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Ngọc H.
 - Hủy bản án dân sự sơ thẩm 37/2024/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
 - Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.
 - Về án phí:
 - Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác sẽ được giải quyết lại sau khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án giải quyết.
 - Án phí phúc thẩm: Ông Trần Văn H không phải chịu và được nhận lại 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001590 ngày 26/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ông Phạm Ngọc H là người cao tuổi và được miễn nộp tạm ứng án phí sự phúc thẩm.
- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (1)
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- TAND H. TS (1)
- THA H. TS (1)
- Tòa Dân sự (2)
- Văn phòng Tòa án tỉnh AG (1)
- Phòng KTNV & THA tỉnh AG (1)
- Đương sự “Đề thi hành” ;
- Lưu: Hồ sơ.

Trần Minh Hải